| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG NĂNG**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 11 - 2022
*"V/v không công nhận là vợ chồng"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Thuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hữu Nghị, ông Y Míp Niê.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Công Hà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị Tuyết N. Sinh năm: 1975. (Có mặt)
Địa chỉ: T, TD, thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk L
***Bị đơn*:** Ông Đào Văn H. Sinh năm: 1972. (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ, TDP, thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk L

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, tại các biên bản làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:*

Năm 1993 tôi và ông Đào Văn H cưới nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên chúng tôi không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại chúng tôi cũng chưa đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên xích mích, mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên xin tòa án giải quyết không công nhận tôi với ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Chúng tôi có 03 đứa con chung. Cháu Đào Thanh T – sinh năm 1993, cháu Đào Thị Thùy Tr – sinh năm 1999 và cháu Đào Thị Thùy Tr – sinh năm 2000. Các cháu đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyế nh không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Đào Văn H tại các biên bản làm việc và tại phiên tòa trình bày có nội dung như sau:*

Ông Đào Văn H thừa nhận lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng, đồng thời đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà N là vợ chồng.

Về con chung : Các cháu đã trên 18 tuổi nên ông không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng dân sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Sau đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà N và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu đã trên 18 tuổi nên không đề cập để giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập để xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

**[ 1 ] Về thủ tục tố tụng:** Vì bà N và ông H không có đăng ký kết hôn, chỉ yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân mà tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

**[ 2 ] Về quan hệ pháp luật:** Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đào Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có cưới hỏi theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên bà N đã làm khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Như vậy, tranh chấp giữa bà N và ông H là "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** Bà N và ông H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay,không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà N có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với ông H.

Xét tình cảm giữa bà N và ông H không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận bà N và ông H là vợ, chồng.

**[4] Về con chung:** Bà N và ông H có 03 đứa con chung là cháu Đào Thanh T - sinh năm 1993, cháu Đào Thị Thùy Tr - sinh năm 1999 và cháu Đào Thị Thùy Tr - sinh năm 2000. Xét thấy các con chung của ông, bà đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** Bà nguyễn Thị Tuyết N và ông Đào Văn H không yêu cầu tòa án giải quyết.

**[6] Về án phí:** Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

**2. Tuyên xử:** Chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà Nguyễn Thị Tuyết N. Tuyên bố bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Đào Văn H không phải là vợ chồng.

**3.** Về con chung: Các con trên 18 tuổi nên không đặt ra để xem xét

**4.** Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

**5.** Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2021/0009228 ngày 22/9/2022.

**6.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
*-TAND tỉnh Đăk Lăk;*
*- VKSND huyện Krông Năng;*
*- Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu Hồ sơ, Vp.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Minh Thuấn**